**BỘ TÀI CHÍNH**

**BẢNG THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO THÔNG TƯ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 13/2022/TT-BTC NGÀY 28/02/2022 CỦA BỘ TÀI CHÍNH QUY ĐỊNH VỀ LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ**

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ**

**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới nêu các nhiệm vụ và giải pháp như sau: *“tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường phân cấp, phân quyền, làm rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân trong bộ máy nhà nước đi đôi với nâng cao năng lực thực thi; xây dựng tổ chức bộ máy nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả…”.*

- Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thông qua một số nội dung cụ thể tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để hoàn thiện và nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, trong đó, *đồng ý chủ trương tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp: Cấp tỉnh (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương), cấp xã (xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh, thành phố); kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện từ ngày 01/7/2025 sau khi Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 (sửa đổi) có hiệu lực thi hành.*

Hiện nay, Chính phủ đang trình Quốc hội dự án Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi). Luật sẽ được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp tháng 5/2025. Dự kiến ***Luật có*** ***hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025***.

- Tại Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ về Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp giao các bộ: *Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, bộ, ngành trung ương chủ động đề xuất, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền VB QPPL, văn bản hướng dẫn giải quyết các vấn đề liên quan đến sắp xếp ĐVHC, kết thúc hoạt động của ĐVHC cấp huyện và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, bảo đảm sau sắp xếp ĐVHC, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động thông suốt, không gián đoạn, không có khoảng trống pháp lý.*

- Căn cứ quy định tại Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 quy định về LPTB, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 13/2022/TT-BTC ngày 28/02/2022 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP.

Thực hiện chủ trương về phân cấp, phân quyền và sắp xếp đơn vị hành chính của Đảng và Nhà nước nêu trên, Bộ Tài chính đã xây dựng dự án Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022.

**2. Cơ sở thực tiễn**

LPTB đang thực hiện theo quy định tại Nghị định số 10/2022/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 51/2025/NĐ-CP) và Thông tư số 13/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP. Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước trong việc sắp xếp ĐVHC ở địa phương *(sáp nhập tỉnh, xã; bỏ cấp huyện)*, cần thiết phải rà soát, sửa đổi một số nội dung quy định tại Nghị định số 10/2022/NĐ-CP *(về mức thu LPTB đối với phương tiện khác nhau theo địa bàn cấp huyện, miễn LPTB đối với tổ chức, cá nhân theo địa bàn xã, phường, thị trấn;...)*, đảm bảo cho việc thực hiện thu LPTB thông suốt, không phát sinh vướng mắc.

Vì vậy, cần thiết sửa đổi, bổ sung Thông tư số 13/2016/TT-BTC để phù hợp với nội dung tại Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG THÔNG TƯ**

Việc ban hành Thông tư bảo đảm:

- Nội dung quy định rõ ràng, minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện.

- Bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về lệ phí trước bạ; pháp luật đất đai, trật tự an toàn giao thông đường bộ và hợp tác xã.

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo tại công văn số 002/CV-BCĐ ngày 04/4/2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

**III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ**

**1. Bố cục dự thảo Thông tư**

Bố cục của dự thảo Thông tư được thiết kế gồm 03 Điều quy định về: (i) Sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản, điểm của Thông tư số 13/2022/TT-BTC; (ii) Bãi bỏ, thay thế một số quy định của Thông tư số 13/2022/TT-BTC; (iii) Điều khoản thi hành.

**2. Nội dung cơ bản của dự thảo Thông tư**

***2.1 Sửa đổi quy định về giá tính lệ phí trước bạ***

a) Đối với nhà, đất

- Tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP quy định giá tính LPTB đối với nhà, đất như sau: (i) Đối với nhà: theo giá nhà do UBND cấp tỉnh ban hành; (ii) Đối với đất: theo giá Bảng giá đất do UBND cấp tỉnh ban hành; (iii) *Trường hợp giá nhà, đất tại Hợp đồng mua bán cao hơn giá do UBND cấp tỉnh ban hành thì tính theo giá tại Hợp đồng mua bán*.

- Tại Điều 159 Luật Đất đai năm 2024 quy định:

*“**1. Bảng giá đất được áp dụng cho các trường hợp sau đây: …*

*đ) Tính lệ phí trong quản lý, sử dụng đất đai”.*

Để phù hợp với quy định tại Luật Đất đai năm 2024 cần bãi bỏ nội dung tại điểm a khoản 1 Điều 3 Thông tư số 13/2022/TT-BTC.

Do đó, Cục QLGSCST bãi bỏ nội dung “*Trường hợp giá đất tại hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất cao hơn giá do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành thì giá tính lệ phí trước bạ đối với đất là giá tại hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất. Trường hợp giá đất tại hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất thấp hơn giá do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành thì giá tính lệ phí trước bạ đối với đất là giá do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật về đất đai tại thời điểm kê khai lệ phí trước bạ”* tại điểm a khoản 1 Điều 3 Thông số 13/2022/TT-BTC.

b) Đối với xe ô tô, xe máy

Để phù hợp với tên các cơ quan trung ương mới và chuyển thẩm quyền ban hành Bảng giá tính LPTB về UBND cấp tỉnh đảm bảo đồng bộ theo đúng tinh thần tổ chức, sắp xếp bộ máy theo định hướng của Đảng và Nhà nước về việc phân cấp, phân quyền về chính quyền địa phương và tạo điều kiện chủ động cho địa phương trong việc áp dụng giá tính và thu LPTB, Cục QLGSCST sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư số 13/2022/TT-BTC như sau:

“a) Ô tô, xe máy (trừ xe ô tô chuyên dùng, xe máy chuyên dùng): giá tính lệ phí trước bạ là giá tại Quyết định về Bảng giá tính lệ phí trước bạ do *~~Bộ Tài chính~~* ***Ủy ban nhân dân cấp tỉnh[[1]](#footnote-1)*** ban hànhtheo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP (sau đây gọi là Bảng giá).

- Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với ôtô, xe máy mới theo kiểu loại xe (trừ xe tải, xe khách), trong đó kiểu loại xe được xác định theo các chỉ tiêu loại phương tiện, nhãn hiệu, kiểu loại xe [số loại hoặc tên thương mại hoặc mã kiểu loại (nếu không có Tên thương mại); tên thương mại và mã kiểu loại (nếu có) đối với ôtô], thể tích làm việc hoặc công suất động cơ, số người cho phép chở (kể cả lái xe), nguồn gốc sản xuất của ô tô, xe máy trên Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường hoặc Thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường hoặc Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại do cơ quan đăng kiểm Việt Nam cấp hoặc Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng dùng cho xe cơ giới ***hoặc các giấy tờ, văn bản của cơ quan có thẩm quyền thể hiện đầy đủ các chỉ tiêu của kiểu loại xe trên Bảng giá***. Đơn vị tính trong chỉ tiêu thể tích làm việc được quy đổi làm tròn đến một chữ số thập phân như sau: ≥ 5 làm tròn lên, < 5 làm tròn xuống.

Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với xe tải theo các chỉ tiêu: nước sản xuất, nhãn hiệu, khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông; đối với xe khách theo các chỉ tiêu: nước sản xuất, nhãn hiệu, số người cho phép chờ kể cả lái xe.

*~~Tổng~~**~~cục Thuế~~* ***Cơ quan thuế cấp tỉnh*** thực hiện, tổ chức thực hiện cập nhật, tổng hợp các cơ sở dữ liệu giá chuyển nhượng trên thị trường, giá tính lệ phí trước bạ đối với ô tô, xe máy; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát cơ sở dữ liệu giá, xây dựng và trình *~~Bộ Tài chính~~* ***Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*** ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ, Bảng giá tính lệ phí trước bạ điều chỉnh, bổ sung đối với ô tô, xe máy theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ***(được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số /2025/NĐ-CP)***.

- Trường hợp phát sinh loại ô tô, xe máy mới mà tại thời điểm nộp tờ khai lệ phí trước bạ chưa có trong Bảng giá thì *~~cơ quan thuế~~* ***Cơ quan thuế cấp tỉnh báo cáo******Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*** căn cứ vào cơ sở dữ liệu quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP để quyết định giá tính lệ phí trước bạ của từng loại ô tô, xe máy mới phát sinh theo điểm b khoản 3 Điều 7 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ***(được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số /2025/NĐ-CP)***. *~~Cục~~**~~Thuế~~* ***Cơ quan thuế cấp tỉnh*** thông báo cho các *~~Chi cục~~* Thuế ***cơ sở*** giá tính lệ phí trước bạ áp dụng thống nhất trên địa bàn trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày *~~Chi cục~~* Thuế ***cơ sở*** tiếp nhận hồ sơ khai lệ phí trước bạ hợp lệ.

Ô tô, xe máy chưa có trong Bảng giá là ô tô, xe máy có một trong các chỉ tiêu quy định tại điểm này không trùng với các chỉ tiêu có trong Bảng giá.”

**2.2 Sửa đổi quy định về mức thu lệ phí trước bạ**

***a) Đối với xe máy***

Để phù hợp với quy định về mức thu LPTB đối với xe máy tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP, Cục QLGSCST sửa đổi khoản 1 Điều 4 Thông tư số 13/2022/TT-BTC như sau:

“1. Xe máy áp dụng mức thu quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP. *~~Mức thu đối với các trường hợp riêng như sau:~~*

*~~a) Xe máy của tổ chức, cá nhân ở các thành phố trực thuộc Trung ương; thành phố thuộc tỉnh; thị xã nơi Ủy ban nhân dân tỉnh đóng trụ sở: nộp lệ phí trước bạ lần đầu với mức thu là 5%.~~*

*~~Thành phố trực thuộc Trung ương, thành phố thuộc tỉnh; thị xã nơi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đóng trụ sở được xác định theo địa giới hành chính nhà nước tại thời điểm kê khai lệ phí trước bạ, trong đó: Thành phố trực thuộc Trung ương bao gồm tất cả các quận, huyện trực thuộc thành phố, không phân biệt các quận nội thành hay các huyện ngoại thành, đô thị hay nông thôn; Thành phố thuộc tỉnh và thị xã nơi Ủy ban nhân dân tỉnh đóng trụ sở bao gồm tất cả các phường, xã thuộc thành phố, thị xã, không phân biệt là nội thành, nội thị hay xã ngoại thành, ngoại thị.~~*

*~~b) Xe máy nộp lệ phí trước bạ lần thứ 02 trở đi được áp dụng mức thu là 1%.~~*

*~~Trường hợp chủ tài sản đã kê khai, nộp lệ phí trước bạ đối với xe máy là 2%, sau đó chuyển giao cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn quy định tại điểm a khoản này thì nộp lệ phí trước bạ với mức thu là 5%. Trường hợp xe máy đã nộp lệ phí trước bạ theo mức thu 5% thì các lần chuyển nhượng tiếp theo nộp lệ phí trước bạ theo mức thu 1%.~~*

*~~Địa bàn đã kê khai, nộp lệ phí lần trước được xác định theo “Nơi thường trú”, “Nơi Đăng ký nhân khẩu thường trú” hoặc “Địa chỉ” ghi trong giấy đăng ký xe hoặc giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe và được xác định theo địa giới hành chính nhà nước tại thời điểm kê khai lệ phí trước bạ.~~”*

***b) Đối với xe ô tô***

Theo quy định tại Nghị định số 10/2022/NĐ-CP thì số người cho phép chở cũng ảnh hưởng đến việc xác định mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô pick-up, ô tô tải Van. Trên thực tế phát sinh các loại xe ô tô chuyên dụng phục vụ an ninh, trật tự của cơ quan công an **không** do cơ quan đăng kiểm xác định thông số kỹ thuật; theo đó, cần bổ sung các phương án cho phép cơ quan thuế dựa trên nguồn thông tin từ các cơ quan khác có thẩm quyền để xác định mức thu lệ phí trước bạ của xe. Ngoài ra, để đảm bảo đồng bộ với nội dung sửa đổi đối tượng chịu lệ phí trước bạ tại Nghị định số 10/2022/NĐ-CP của Chính phủ, Cục QLGSCST sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 Thông tư số 13/2022/TT-BTC như sau:

“2. Ô tô, rơ moóc**,** ~~hoặc~~ sơ mi rơ moóc ~~được kéo bởi ô tô~~, ***xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe máy chuyên dùng,*** ~~các loại~~ xe tương tự ***các loại xe*** ***này*** ~~xe ô tô~~ ***theo quy định pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ***: áp dụng mức thu quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ***(được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số /2025/NĐ-CP)***.

a) Căn cứ vào loại phương tiện, khối lượng chuyên chở ***và số người cho phép chở*** ghi tại giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường hoặc giấy chứng nhận kiểm định do đơn vị đăng kiểm Việt Nam cấp ***hoặc các thông tin khác của cơ quan có thẩm quyền xác định***, cơ quan thuế xác định mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô, rơ moóc**,** ~~hoặc~~ sơ mi rơ moóc ~~được kéo bởi ô tô~~, ***xe chở người bốn bánh có gắn động cơ,*** ***xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe máy chuyên dùng,*** ~~các loại~~ xe tương tự ***các loại xe*** ***này*** ~~xe ô tô~~ theo quy định tại khoản này.

b) Cơ quan thuế xác định mức thu lệ phí trước bạ xe ô tô trên cơ sở:

- Số ~~chỗ ngồi trên xe ôtô~~ ***người cho phép chở*** được xác định theo thiết kế của nhà sản xuất ***hoặc theo xác định của cơ quan có thẩm quyền***.

- Khối lượng chuyên chở được xác định theo khoản a Điều này.

- Loại xe được xác định như sau:

+ Đối với xe nhập khẩu: Căn cứ vào xác định của đơn vị đăng kiểm ghi tại mục “Loại phương tiện” của giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu hoặc Thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới nhập khẩu hoặc giấy chứng nhận kiểm định do đơn vị đăng kiểm Việt Nam cấp ***hoặc các thông tin khác của cơ quan có thẩm quyền xác định***;

+ Đối với xe sản xuất, lắp ráp trong nước: Căn cứ vào mục “Loại phương tiện” ghi tại giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ô tô sản xuất, lắp ráp hoặc Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng dùng cho xe cơ giới hoặc giấy chứng nhận kiểm định ***hoặc các thông tin khác của cơ quan có thẩm quyền xác định***.

~~Trường hợp tại mục “Loại phương tiện” (loại xe) của các giấy tờ nêu trên không xác định là xe ô tô tải thì áp dụng mức thu lệ phí trước bạ đối với xe ô tô chở người.~~”

**2.3 Sửa đổi quy định về miễn lệ phí trước bạ**

Để đảm bảo đồng bộ với Luật Đất đai năm 2024, Cục QLGSCST sửa đổi, bổ sung các điểm, khoản sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5:

“2. Nhà, đất sử dụng vào mục đích cộng đồng của các tổ chức tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng được miễn lệ phí trước bạ theo quy định tại khoản 8 Điều 10 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP là nhà trên đất theo quy định tại Điều ~~159~~ ***212***, Điều ~~160~~ ***213*** Luật Đất đai được Nhà nước công nhận hoặc được phép hoạt động, bao gồm:

a) Đất có công trình ~~là chùa, nhà thờ, nhà nguyện, thánh thất, thánh đường, niệm phật đường, tu viện, trường đào tạo riêng của tôn giáo, trụ sở của tổ chức tôn giáo, các cơ sở khác của tôn giáo~~ ***xây dựng cơ sở tôn giáo, trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc và công trình tôn giáo hợp pháp khác***;

b) Đất có công trình là đình, đền, miếu, am, ***nhà thờ họ.***”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 5

“9. Nhà ở, đất ở của hộ nghèo; nhà ở, đất ở của *~~đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã, phường, thị trấn đặc khu tại hải đảo thuộc vùng khó khăn, Tây Nguyên; nhà ở, đất ở của hộ gia đình, cá nhân ở các xã thuộc Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa~~****hộ gia đình, cá nhân******thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn******theo quy định của pháp luật về đầu tư*** được miễn nộp lệ phí trước bạ theo quy định tại khoản 26 Điều 10 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP. Trong đó:

a) Hộ nghèo là hộ gia đình mà tại thời điểm kê khai, nộp lệ phí trước bạ có giấy chứng nhận là hộ nghèo do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc được Ủy ban nhân dân xã, phường, ~~thị trấn (cấp xã)~~ ***đặc khu tại hải đảo*** nơi cư trú xác nhận là hộ nghèo theo quy định về chuẩn nghèo của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành.”

**2.4. Về tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành**

Để phù hợp với tên các cơ quan trung ương mới, Cục QLGSCST sửa đổi khoản 3 Điều 6 Thông tư số 13/2022/TT-BTC như sau:

“3. *~~Tổng~~* ***C***ục Thuế có trách nhiệm:

a) Thống nhất các thông tin dữ liệu nộp lệ phí trước bạ điện tử được truyền, nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP với cơ quan cảnh sát giao thông, cơ quan *~~tài nguyên~~* ***nông nghiệp và*** môi trường và cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền để phục vụ công tác giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến việc đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản.

b) Thực hiện, chỉ đạo thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về lệ phí trước bạ theo quy định của pháp luật.”

**IV. VỀ NGUỒN LỰC, TÀI CHÍNH THỰC HIỆN VÀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

Dự thảo Thông tư chỉ sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho đồng bộ với pháp luật hiện hành; hoạt động tổ chức thu, nộp phí, lệ phí vẫn sử dụng nguồn nhân lực hiện có của các cơ quan cung cấp dịch vụ; không phát sinh thêm nguồn nhân lực, tài chính cho việc tổ chức thực hiện Thông tư.

Dự thảo Thông tư không quy định thủ tục hành chính.

 Trên đây là Bảng Thuyết minh nội dung dự thảo Thông tư./.

1. Chữ in đậm, nghiêng: Là nội dung sửa đổi, bổ sung [↑](#footnote-ref-1)